

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BA  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2021/DS-ST**

Ngày 25 tháng 6 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lệ Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân*

1. Ông Nguyễn Mạnh Cường;

2. Bà Vương Thị Thu;

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vi Thị Năm – Thư ký Tòa án.

Hôm nay, ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2021/TLST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2021. về việc tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Phạm Thị L**, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 3 xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người được bà Loan ủy quyền: **Ông Nguyễn Đức H**- Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hùng Vương – Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 15, tổ 2, khu T, phường D, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: **Bà Lê Thị L**, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 2 xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn bà **Phạm Thị L** trình bày : Ngày 30/12/2017 bà Lê Thị L có đến nhà bà vay số tiền 71.000.000đ, hẹn hai tháng sau trả. Đến hẹn bà L không trả nợ dù bà đòi nhiều lần và mãi sau này mới trả được 10.000.000đ. Bà L hẹn đi hẹn lại việc trả nợ. Đến ngày 6/6/2020 bà L viết lại giấy vay tiền, hẹn cuối năm trả nợ cho bà , và đến bây giờ vẫn không trả được

nợ cho bà . Bà L yêu cầu bà L trả nợ gốc là 61.000.000đ và tính lãi 10%/năm từ ngày 31/12.2017 cho đến khi trả xong. Tôi không nhất trí để bà L trả dần mỗi tháng 2.000.000đ tiền gốc, không nhất trí tính lãi 10%/năm tính từ ngày 20/5/2021 đến khi trả xong. Tôi yêu cầu bà L trả 61.000.000đ tiền gốc và tính lãi 10%/năm từ ngày 31/12.2017 cho đến khi xét xử.

**Ông Nguyễn Đức H – người được bà L ủy quyền có lời trình bày:** Yêu cầu bà L trả nợ cho bà L như yêu cầu của bà L.

**\* Bị đơn là bà Lê Thị L trình bày:**

Bà thừa nhận có vay của bà Phạm Thị L 71.000.000đ vào ngày 30/12/2017. Bà có viết giấy vay tiền, giấy khất nợ mà bà L cung cấp cho Tòa án là chính xác. Bà đã trả được 10.000.000đ nên chỉ nợ tiền gốc 61.000.000đ. Do bà đang rất khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ. Bà xin trả lãi cho bà L là 10%/năm tính từ ngày 20/5/2021.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án theo quy định pháp luật, do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành báo gọi lấy lời khai, xác minh, thu thập chứng cứ.... Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung vụ án:**

Căn cứ vào các lời khai của các đương sự trong vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết, là người cùng xã nên bà L đã được bà L cho vay tiền. Cụ thể: Ngày 30/12/2017, bà L đã cho bà L vay 71.000.000đ, thời hạn vay hai tháng. Sau nhiều lần đòi, bà L đã trả cho bà L 10.000.000đ tiền gốc. Số tiền gốc còn lại ngày 6/6/2020 bà L viết lại giấy vay tiền, hẹn cuối năm trả nợ cho bà L nhưng đến nay không trả. Nay bà L yêu cầu Tòa án buộc bà L trả 61.000.000đ tiền gốc và yêu cầu tính lãi 10%/năm đối với số tiền 61.000.000đ từ ngày 30/12/2017 cho đến khi xét xử. Bà Lê Thị L thừa nhận có vay bà L và viết giấy vay tiền như bà L xuất trình. Do hoàn cảnh bà đang khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi trả hết nợ. Bà L nhất trí trả lãi 10%/năm nhưng thời điểm tính lãi là ngày 20/5/2021 cho đến khi trả nợ xong. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên không thống nhất được về phương thức trả nợ, thời điểm tính lãi phải trả. Như vậy có thể thấy rằng việc bà L nợ bà L số tiền 71.000.000đ tiền gốc vào ngày 30/12/2017 là sự thật. Bà L đã trả được 10.000.000đ tiền gốc cho bà L, được cả hai bên công nhận. Vì vậy đến nay bà L còn nợ bà L 61.000.000đ tiền gốc. Bà L đề nghị được trả dần mỗi tháng 2.000.000đ tiền gốc cho bà L cho đến khi

trả hết nợ Bà L không nhất trí cho bà L trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi trả hết nợ. Xét nên buộc bà Lê Thị L phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền 61.000.000đ tiền gốc là có căn cứ, phù hợp với Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự.

Do bà L và bà L thống nhất với nhau về lãi xuất, nhưng không thống nhất về thời điểm tính lãi nên bà L phải trả cho bà L với lãi xuất 10%/năm tính từ thời điểm vay tiền ngày 30/12/2017 là phù hợp.

*Về án phí:* Do chấp nhận yêu cầu nguyên đơn nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà L phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ của bà theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 115. khoản 1 điều 275, 463 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 điều 26 , điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Xử:**

- Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định pháp luật.

- Buộc bà Lê Thị L phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền gốc là 61.000.000đ (*sáu mươi một triệu đồng*) theo giấy vay tiền ngày 30/12/2017 và tiền lãi tính từ khi vay ngày 30/12/2017 đến ngày xét xử 25/6/2021 là 21.299.000đ (*hai mươi một triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng*). Tổng cả gốc và lãi bà L phải trả là 82.299.000đ (*tám mươi hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**\* Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Buộc bà Lê Thị L phải chịu 4.114.000đ (*bốn triệu một trăm mười bốn nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị L 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0001635 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu AV,HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Lệ Thanh**